

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

Tập 96

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 05 tháng 08 năm 2010

Địa điểm: Giảng đường Hoa Nghiêm Malaysia

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 110, dòng thứ hai từ dưới lên, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

“Lại nữa, Danh Nghĩa Tập nói: Bạt-đà-bà-la”, đây là tiếng Phạn, “dịch là Hiền Hộ, tự hộ trì hiền đức, lại hộ trì chúng sanh. Hoặc gọi là Hiền Thủ, vì địa vị ở Đẳng giác, là đứng đầu trong bậc hiền”. Đoạn này là giải thích cho chúng ta về nghĩa thú biểu pháp trong danh hiệu. Tiếng Phạn là Bạt-đà-bà-la, dịch sang nghĩa Trung Quốc chính là Hiền Hộ. Thế nào gọi là hiền? Thế nào gọi là hộ? Tự hộ trì hiền đức, đây là nghĩa của hiền; lại hộ trì chúng sanh, đây là nghĩa của hộ. Cho nên hiền là nói đối với bản thân, hộ là nói đối với đại chúng. Hiền đức là vô lượng vô biên, cũng giống như người Trung Quốc dạy trẻ nhỏ, bạn thấy dạy các bạn nhỏ, khi mới vào học, tuổi khoảng sáu, bảy tuổi, học Tam Tự Kinh. Tam Tự Kinh là khái luận của văn hóa truyền thống Trung Quốc, bạn xem vừa nhập môn liền dạy thứ này, liền đem khái niệm này truyền thụ ngay từ đầu. Phương pháp dạy học này quả thật là trí tuệ quá tuyệt vời; không giống người nước ngoài, người nước ngoài dạy trẻ nhỏ, họ nói rất thực tế, họ nói lý luận lớn này trẻ con không hiểu, “người ban đầu, tánh vốn thiện”, chúng làm sao hiểu được? Chúng hiểu được gì chứ? Chó con sủa, mèo con nhảy, cái này chúng hiểu, họ dạy những thứ này. Cho nên mặc dù trẻ con chưa hiểu, nhưng bạn không thể nói chúng không hiểu, không thể xem thường chúng, trí tuệ của trẻ nhỏ hết sức cao. Điều này đã được các

bác sĩ tâm lý học phương Tây cận đại dùng thuật thôi miên chứng thực. Trẻ sơ sinh không những sau khi ra đời, mà trước khi chưa ra đời, ở trong bụng mẹ, chúng đã rất thông minh, chúng hoàn toàn hiểu được tâm trạng của mẹ, việc ăn uống của mẹ chúng cũng đều cảm nhận được. Bạn làm sao có thể nói chúng không hiểu? Những người này sau khi phát hiện ra, mới thật sự nghĩ đến việc người xưa Trung Quốc nói về thai giáo là có đạo lý lớn ở trong.

Hiền đức, chính là điều mà Phật nói cho chúng ta biết trong kinh Hoa Nghiêm, “hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”. Trí tuệ là đức, trí tuệ, ở đây nói đến đức trong hiền đức; đức năng và tướng hảo là hiền mà chỗ này nói, đây là thứ vốn có trong tự tánh. Trong câu nói này của Phật hoàn toàn là nói về cương lĩnh của nó. Khi dạy học, Phật nói với chúng ta, thập thiện là hiền đức, chính mình vốn sẵn có. Tam quy ngũ giới, lục hòa, lục độ, thập nguyện Phổ Hiền, đây là đã nói ra hết những cương mục này, cũng không nhiều. Tổ tiên xưa của Trung Quốc, chúng ta khẳng định đều là chư Phật Bồ-tát tái lai, những gì các ngài nói hoàn toàn tương đồng với kinh Phật; lại quan sát tỉ mỉ, đối chiếu với những gì các vị sáng lập các tôn giáo lớn trên thế giới đã nói trong kinh điển, thì bảy tám phần mười đều giống nhau, chỗ không giống nhau chỉ một hai phần mười. Những chỗ không giống nhau là gì? Tập quán sinh hoạt. Trên thế giới có nhiều chúng sanh như vậy, hoàn cảnh cư trú không giống nhau, bối cảnh văn hóa khác nhau. Cho nên có một số tập quán khác nhau, chư Phật Bồ-tát hằng thuận chúng sanh. Các ngài ở trong hoàn cảnh đó, phong tục tập quán đó đối với họ có chỗ tốt. Người ở vùng hàn đới quen sống trong băng tuyết, họ đến vùng nhiệt đới thì không được, họ chịu không nổi khí hậu bên này. Cũng như vậy, người vùng nhiệt đới đến vùng hàn đới cũng không quen sống. Ngày nay giao thông thuận tiện, trước kia giao thông không thuận tiện, thật sự có người đến già chết không qua lại, cả đời chỉ hoạt động quanh mấy thôn làng lân cận, có

từng đến huyện thành chưa? Cả đời chưa từng đi qua. Cho nên, giáo hóa của thánh nhân là tùy thuận tánh đức.

Những thánh nhân này ở Trung Quốc dạy chúng ta điều gì? Cũng rất đơn giản, mấy ngàn năm không đổi, cái cương lĩnh chung này, chỉ có mấy đầu mục, là ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Trung Quốc truyền lại mấy ngàn năm chỉ có bấy nhiêu thứ. Tứ Thư Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh của nhà Nho, cho đến phát triển thành Tứ Khố Toàn Thư, bên trong nói điều gì? Chẳng qua cũng chỉ là bấy nhiêu, tuyệt đối không rời khỏi bốn khoa mục này. Bốn khoa mục này chính là ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Chúng ta lại quy nạp nó lại, thật ra chỉ là 12 chữ: hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, chính là 12 chữ thuộc bốn khoa mục này, khi bạn xem tỉ mỉ thì bốn khoa mục quy nạp lại chính là 12 chữ. Dạy học mấy ngàn năm của Trung Quốc, sự truyền thừa của tổ tiên đời đời kiếp kiếp đều là cái này, xưa nay chưa từng thay đổi; chỉ là sau khi Mãn Thanh mất nước, Dân quốc thành lập, thì đã lơ là nó. Dân quốc cũng không thay đổi nó, chẳng giống như thời đại đế vương trước đây đã xem trọng như vậy, nghiêm túc như vậy. Sự xem trọng và nghiêm túc của họ đã tạo nên xã hội tường hòa, hóa giải rất nhiều tai nạn. Những nguyên lý này hiện nay chúng ta đã hiểu rõ. Thật vậy, những gì nói trong kinh Phật một chút cũng không sai, “tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm”. Tâm thái của chúng ta tốt, niệm niệm không rời khỏi 12 chữ này. Khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều không trái với hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, bạn không trái ngược với nó. Mười hai chữ này so với những gì nói trong kinh điển nhà Phật, so với những điển tịch của rất nhiều nhà tôn giáo trên thế giới, bạn hãy xem thử, là hoàn toàn tương đồng.

Trung tâm trong 12 chữ, đó chính là chữ ái, là yêu, ái trong nhân ái hòa bình. Phật giáo không nói yêu, mà gọi là từ bi; từ bi chính là yêu. Vì sao Phật không nói yêu, mà nói từ bi? Vì người thế gian thấy chữ yêu này, trong yêu

có tình, gọi là tình yêu! Yêu thì rất tốt, nhưng tình thì không tốt. Cho nên Phật không nói yêu, Phật nói từ bi. Từ bi là yêu thương, trong đó có lý trí, như vậy tốt! Trong yêu thương phải có lý tính, phải có trí tuệ, không dùng tình cảm. Dùng tình cảm thì yêu thương đó không thật, là yêu thương giả, gọi là hư tình giả ý, nhất định phải biết điều này. Vì sao vậy? Bởi nó sẽ thay đổi. Từ bi là yêu thương chân thật, vĩnh hằng không đổi, nó là thật! Cho nên Phật giáo dùng từ bi, không dùng yêu. Thế nhưng trong kinh điển của nhiều tôn giáo trên thế giới, chúng ta xem thấy “thần yêu người thế gian, thượng đế yêu người thế gian”. Chúng ta biết được, cái yêu đó của họ chính là từ bi mà nhà Phật nói, không phải là hành động theo tình cảm, chúng ta nhất định phải biết điều này. Trong kinh Cô-ran, bạn hãy xem trước những câu kinh quan trọng đều nói rằng: Chân chủ quả thật là nhân từ. Nhân từ rất hay, nhân từ hoàn toàn tương đồng với từ bi mà Phật pháp nói. Sau nhân từ là trí tuệ, là lý tánh, không phải tình cảm, đây là cốt lõi của tánh đức, điểm trung tâm trong tánh đức. Cho nên hết thấy mọi hiền đức đều từ đây mà phát sanh, phát dương quang đại. Người mà có thể tự mình hộ trì hiền đức, đây gọi là yêu chính mình.

Cho nên người nào mới thật sự làm được yêu chính mình? Trong Phật pháp nói, nói một cách nghiêm ngặt thì Pháp thân Bồ-tát mới làm được trăm phần trăm việc yêu chính mình. Ở đây Hiền Hộ, 16 vị tôn giả này thật sự đều là Pháp thân Bồ-tát, không những là Pháp thân Bồ-tát, mà còn là Bồ-tát Đẳng giác trong hàng Pháp thân Bồ-tát, địa vị này rất cao, Bồ-tát trong Phật giáo có 51 cấp bậc, các ngài đạt đến cấp bậc cao nhất; tiến lên một bước nữa, chính là Phật quả cứu cánh viên mãn, gọi là địa vị Diệu giác. Đẳng giác đã đến mức cao nhất rồi, Pháp thân Bồ-tát có 41 cấp bậc, đây là địa vị cao nhất. Chúng ta có thể nói, dựa theo kinh Hoa Nghiêm mà nói, là Bồ-tát sơ trụ, Bồ-tát Sơ trụ trong kinh Hoa Nghiêm đã làm được yêu chính mình rồi, yêu chính mình thật sự. Biết được thân là giả, không phải thật, không còn vì thân này mà tạo

ngiệp, ý niệm tự tư tự lợi không còn nữa; ý niệm danh văn lợi dưỡng không còn nữa, không còn theo đuổi danh văn lợi dưỡng, bởi đó là giả; không còn tham cầu hưởng thụ năm dục sáu trần ở thế gian, tham sân si mạn giảm xuống một cách rõ rệt. Nhưng muốn đoạn thì rất khó, thật sự đoạn sạch thì thành A-la-hán, cho nên việc này rất khó. Ở giai đoạn tu học của chúng ta, nó đã hạ nhiệt rồi, không còn nghiêm trọng như trước, đây gọi là Hiền Hộ. Đây là điều chúng ta nên làm, có thể hộ trì tánh đức của chính mình, ở đây nói tự hộ trì hiền đức. Người như vậy, đúng như thầy Phương Đông Mỹ đã nói, họ đạt được hưởng thụ cao nhất của đời người.

Hưởng thụ cao nhất của đời người, quý vị phải biết, điều này không liên quan đến của cải, không liên quan đến địa vị. Điển hình tốt nhất, khuôn mẫu tốt nhất là Thích-ca Mâu-ni Phật. Ngài không phải là không có, ngài sinh ra trong gia đình giàu sang, giàu sang vốn sẵn có từ khi sanh ra. Ngài không xuất gia thì ngài kế thừa ngôi vua, theo cách nói của người Trung Quốc chúng ta là “sang như thiên tử, giàu có bốn biển”, ngài là thân phận như vậy. Ngài thông minh, từ nhỏ đã giác ngộ, đã sáng tỏ, 19 tuổi từ bỏ đời sống cung đình, rời khỏi gia đình đi học đạo. Ngày nay chúng ta gọi là du học, lúc đó gọi là tham học, đi thăm viếng các bậc cao nhân, cao nhân trong giới tôn giáo, cao nhân trong giới học thuật. Người xưa Trung Quốc thường nói “người cùng tâm này, tâm cùng lý này”. Chúng ta có thể thể hội được, bạn xem thân phận của ngài là thân phận vương tử, lại thông minh hiếu học, còn trẻ như vậy, mười mấy hai mươi tuổi. Ai mà không thích học trò như vậy? Vào thời đại đó, Ấn Độ đích thực là quốc gia tôn giáo bậc nhất toàn cầu, bất luận tôn giáo hay học thuật đều đạt đến cảnh giới rất cao. Phương pháp họ dùng, tuy chẳng phải giống như khoa học kỹ thuật hiện đại, họ là dùng thiên định. Thiên định có thể đột phá các chiều không gian, người thông thường chúng ta gọi là thần thông. Những thứ mắt thịt của chúng ta không thấy được, khi nhập định thì trong định có thể thấy. Trong định có thể thấy

quá khứ, có thể thấy tương lai. Cho nên lời tiên tri, từ xưa đến nay đã có, hồi chúng tôi còn trẻ cũng rất hiếu kỳ đối với những thứ này.

Tôi thân cận lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi thỉnh giáo thầy, lời tiên tri có thể tin được không? Đáng tin cậy hay không? Thầy nói với tôi, lời tiên tri không rời khỏi nguyên lý số học, đó là nền tảng của nó. Lời tiên tri của Trung Quốc không rời khỏi kinh Dịch, nếu tính toán rất chính xác thì quả thật có thể tin, nhưng kiểu tính toán này thật sự là “sai một ly, đi ngàn dặm”. Vì sao có lời tiên tri rất chuẩn xác, có lời tiên tri không chuẩn xác, cái được nói đến này mà nó không xảy ra, đây chính là vì bên trong có một chút sai lệch nên không còn chuẩn xác nữa. Cho nên đây là trong nhà Phật nói, họ là dùng tỷ lượng, là suy đoán. Nhưng thầy nói, nếu như là thấy được trong định, vậy thì hết sức chính xác. Cho nên thầy nói cho tôi biết, thiền sư Hoàng Bá có mấy bài thơ tiên tri, cái đó chính xác. Nhưng những bài thơ đó không dễ hiểu, giống như câu đố, bạn rất khó đoán ra. Đó là cảnh giới trong định của ngài, cảnh giới hiện lượng. Phàm là thuộc về loại này thì rất đáng tin.

Trong xã hội ngày nay, người có thể nhập định e rằng không còn thấy nữa, đã không có người như vậy. Ở thế kỷ trước, người tu hành còn có thể được định, như lão hòa thượng Hư Vân, còn có người như vậy, còn trong thế kỷ này thì không tìm ra. Bên trong phiền não tập khí rất nặng, bạn không có cách nào nhập định, bên ngoài xã hội, người ngoại quốc gọi là từ trường không tốt. Chưa nói chuyện gì khác, chỉ riêng sóng vô tuyến cũng đã quấy nhiễu bạn được định. Bạn xem bây giờ sóng vô tuyến nhiễu đến mức nào? Đừng nói cái khác, sóng điện từ phát ra từ điện thoại di động của mỗi một người, cái này đã ghê gớm rồi. Mắt thịt của chúng ta không nhìn thấy, nếu bạn nhìn thấy được, thì sẽ thấy toàn bộ địa cầu bị những sóng điện từ này bao phủ dày đặc. Ở trong hoàn cảnh như vậy, cho nên con người không có cách nào không bị bồn chồn nóng nảy! Bồn chồn nóng nảy là gì? Là do sóng điện từ quấy nhiễu, quá phức tạp. Đây là hiện tượng mà vào quá khứ, khi

những công nghệ này chưa được phát minh thì chẳng hề có, hiện nay phiên phức này là càng ngày càng nghiêm trọng. Khoa học đổi mới từng ngày, nhưng ảnh hưởng tiêu cực thì quả thật quá lớn, thật sự là cái được không bù nổi cái mất. Nó nhiễu loạn cảm xúc của chúng ta, chướng ngại đời sống bình thường, tâm thái bình thường, tư duy bình thường của chúng ta. Ngày nay chúng ta làm sao để bảo vệ bản thân? Đó chính là cố gắng hết sức giảm bớt những thứ này. Trước kia không có điện thoại, chẳng phải ngày tháng vẫn trôi qua đó sao? Bây giờ lẽ nào không có thứ này thì không sống nổi hay sao? Làm gì có đạo lý này! Họ có thể phát minh, ta có quyền từ chối, không dùng nó. Trong đời sống hằng ngày của tôi, chỉ có người khác gọi điện cho tôi, tôi chưa từng gọi điện cho người khác. Vì sao vậy? Tôi không muốn tạo tội nghiệp này, dùng sóng điện từ đi quấy nhiễu nhiều người khác, phải hiểu điều này. Người khác gọi cho tôi, tôi không có cách nào, không thể không tiếp nhận. Bây giờ cũng không tệ, có người tiếp nhận thay tôi, không cần thiết thì tôi sẽ không nghe. Cho nên nhất định phải nghĩ cách bảo vệ chính mình. Người Trung Quốc, ân huệ mà tổ tiên để lại cho chúng ta thật sự quá lớn! Ân huệ lớn nhất chính là phát minh ra chữ viết này. Chữ viết là một phương tiện truyền tải thông tin; chữ viết Trung Quốc là phù hiệu của trí tuệ, bạn không biết đọc nó cũng không vấn đề gì, bạn nhìn vào hình dạng của chữ này, bạn hiểu được ý nghĩa của nó, đây là trí tuệ, chữ viết của nước ngoài không có hiệu quả như vậy. Là phù hiệu của trí tuệ, khi bạn nhìn lâu thì sẽ khai ngộ. Chữ viết này không thể sửa, chúng ta không có trí tuệ như tổ tiên, bạn làm sao có thể sửa chữ viết của các ngài?

Cho nên lúc nào cũng nghĩ đến “bổn tánh vốn thiện”, cái vốn thiện này chính là hiếu đễ trung tín. Khởi tâm động niệm, lời nói việc làm của chúng ta, điều đầu tiên là nghĩ xem có xứng đáng với tổ tiên hay không? Có xứng đáng với cha mẹ hay không? Tâm hạnh của ta bất thiện, cha mẹ không vui, tổ tiên không chấp nhận, vậy thì không thể làm như vậy. Chúng ta hành hiếu,

chúng ta hành lễ, lễ là tôn kính bậc bề trên, kính trọng đồng trang lứa. Người lớn tuổi hay cùng lứa tuổi đều phải tôn kính, đây là đạo lễ, bắt đầu làm từ thương yêu anh em, mở rộng đến thương yêu hết thấy những người cùng tuổi, thế hệ ngang hàng. Trung với đất nước, trung với dân tộc, trung với xã hội, trung với lãnh đạo. Trung là gì? Là chịu trách nhiệm. Nói lời phải giữ lời, con người nhất định phải có chữ tín, không nói dối, không nói ly gián, không nói thêu dệt, không nói thô ác, đều ở trong chữ “tín” này. Lễ nghĩa liêm sỉ, xử sự đối người tiếp vật, lễ không thể sơ suất; nghĩa tức là hợp tình, hợp lý, hợp pháp; liêm là liêm khiết, biết tiết kiệm là mỹ đức, nhất định không lãng phí. Phải thường nghĩ đến thế gian này còn có rất nhiều người khổ nạn, rất nhiều người không có thức ăn, không có quần áo mặc, không có nhà ở. Cho dù không có ở trước mặt, nhưng cũng thường nghĩ đến họ, có duyên phận thì tận tâm tận lực giúp đỡ họ, thường nghĩ cho người khác, tâm lượng phải mở rộng.

Năm xưa khi tôi ở Singapore, tôi với chín tôn giáo ở Singapore chung sống hết sức hòa hợp. Bất cứ tôn giáo nào cần giúp đỡ, chúng tôi đều chủ động dang tay ra hỗ trợ. Có một lần có một vị nữ tu nói với tôi rằng, người bên châu Phi rất đáng thương. Công giáo đã phái một đội y tế, hình như có ba vị bác sĩ và mấy y tá sang bên đó giúp họ, nữ tu nói cho tôi biết tin tức này. Lúc đó tôi đã gửi 50.000 đô-la Mỹ cho cô ấy, thay tôi dùng vào khoản chi phí thuốc men, bổ thí y dược. Qua một tuần, cô ấy lại gọi điện nói cho tôi, nói bên đó giao thông rất lạc hậu, rất khó khăn, có thể tặng một chiếc xe cứu thương được không? Tôi nói được, tôi liền gửi tặng cô ấy một chiếc xe cứu thương. Tín đồ Phật môn biết được chuyện này liền đến chất vấn tôi. Họ nói: Pháp sư, tiền của tín đồ chúng con kiếm được cũng không dễ, sao thầy có thể đem đi cho ngoại đạo? Tôi nói: Thế nào gọi là ngoại đạo? Thầy đem cho Công giáo thì không phải ngoại đạo sao? Tôi quay lại hỏi họ, tôi nói: Chúng ta có nên làm viện dưỡng lão không? Nên! Có nên làm nhà nuôi trẻ mồ côi không?

Nên! Chúng ta có thể làm một bệnh viện không? Nên! Người ta có bệnh khổ thì có nên cứu không? Nên! Người ta đã phái đội y tế đi cứu, chúng ta góp một ít, tặng một ít tiền cho họ, vậy chúng ta đã có cổ đông trong đó, vậy có gì sai? Họ mới không nói nữa, rồi rời đi. Cho nên bất kỳ ai làm một việc tốt, có lợi cho xã hội, thì cũng chính là chúng ta làm. Bản thân chúng ta không có khả năng thì sanh tâm hoan hỷ, tán thán họ; có khả năng thì tận tâm tận lực giúp đỡ họ, đó là việc tốt! Hà tất nhất định phải tự mình làm thì mới gọi là việc tốt, còn người khác làm thì không phải, tâm lượng như vậy quá nhỏ, đây là trái ngược với tánh đức. Bất luận người nào làm việc tốt, thật sự là việc tốt, lợi ích xã hội, lợi ích chúng sanh khổ nạn, thì chúng ta liền nên giúp đỡ, không do dự. Không có khả năng thì hoan hỷ tán thán, tuyên dương họ. Tự hộ trì hiền đức.

Bốn chữ cuối trong 12 chữ này là “nhân ái hòa bình”, đây là đạt đến chỗ tốt cùng. Mười hai chữ này giống như một tòa nhà 12 tầng, bạn phải biết gốc rễ ở đâu? Gốc rễ là ở hiếu. Hiếu là tầng thứ nhất, để là tầng thứ hai, hòa bình là cao nhất. Nó có gốc rễ, có nền tảng. Bạn xem kinh Vô Lượng Thọ, đây là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của Tịnh tông, câu nói đầu tiên trong tịnh nghiệp tam phước là “hiếu dưỡng cha mẹ”, câu thứ hai là “phụng sự sư trưởng”, hiếu thân tôn sư là nền tảng của học Phật, không có hai câu này thì học Phật giỏi đến đâu cũng không có gốc rễ, họ làm sao có thành tựu cho được? Người Trung Quốc lập quốc 5.000 năm trên mảnh đất này, rễ sâu gốc chắc, đó là gì? Hiếu để. Mười hai chữ này đã được canh tác suốt 5.000 năm trên mảnh đất báu Trung Quốc này, hiện nay mặc dù đã lơ là 100 năm nay, nhưng gốc rễ có lung lay không? Không hề. Chúng tôi ở Thang Trì đã làm thực nghiệm chứng minh, vốn dĩ chúng tôi cho rằng thực nghiệm này cần hai đến ba năm mới thấy được hiệu quả, không ngờ rằng chỉ ba, bốn tháng mà hiệu quả đã rõ rệt, điều này nói rõ rễ của chúng ta còn. Thật sự là rễ sâu

gốc chắc, con người rất dễ giáo hóa. Ở vùng đất Nam Dương của Malaysia này, tiếp xúc với Trung Quốc, nhận sự hun đúc của văn hóa truyền thống Trung Quốc, tôi cho rằng ít nhất cũng đã 1.000 năm. Cho nên nơi này cũng là đất phước, cũng là đất báu. Nêu ra 12 mục đức hạnh này, mọi người đều hoan nghênh, đây là tánh đức.

Cho nên Hiền Hộ, hộ trì đức của chính mình là quan trọng, những thứ khác không quan trọng. Có thể tự hộ trì thì mới có thể hộ trì người khác, lại hộ trì chúng sanh. Làm sao hộ trì chúng sanh? Giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa nhất định phải thân hành ngôn giáo, bản thân chưa làm được mà bảo người khác làm, người ta không tin tưởng. Nhất định phải tự mình làm được thì bạn mới cảm hóa được người khác, gọi là tự hành hóa tha, đây là ý nghĩa của hai chữ “Hiền Hộ”. Danh hiệu này bao hàm hết thấy những đồng tu tại gia học Phật, đây là tên của một người, ngài đại biểu cho tất cả người tại gia học Phật, ý nghĩa này rất sâu, ngài là đại biểu chung, còn 15 vị kia đều là đại biểu riêng biệt, đây là đại biểu chung. Ngay đến người tại gia còn phải khéo hộ trì tánh đức của chính mình, huống hồ là người xuất gia, vậy thì càng không cần phải nói. Chúng ta xem chư Phật Như Lai, chư đại Bồ-tát, Thanh văn Duyên giác, có ai chẳng phải học như vậy? Mỗi người đều có thể thành tựu chính mình, lợi ích chúng sanh.

Tiếp theo nói, “hoặc gọi là Hiền Thủ”. Ý nghĩa này, ý nghĩa trong tiếng Phạn, Bạt-đà-bà-la cũng có nghĩa là Hiền Thủ. Hiền Thủ là “đứng đầu trong bậc hiền”, là tấm gương trong chúng Bồ-tát, khuôn mẫu trong chúng Bồ-tát, đây là vị đứng đầu trong đại chúng, cho nên gọi là Hiền Thủ. “Vị địa vị ở Đẳng giác”, trong đây nói rõ ràng, đã nói sáng tỏ, là thân phận gì? Bồ-tát Đẳng giác. Cùng một địa vị với Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Di-lặc, các ngài đều là Bồ-tát Đẳng giác. 41 giai vị, ngài là địa vị thứ 41, cao nhất. Cho nên 40 giai vị Pháp thân Bồ-tát phía trước,

địa vị của ngài cao nhất, Đẳng giác cao nhất, ngài là thượng tọa của họ, là ý nghĩa này. *“Có thể thấy chánh sĩ Hiền Hộ, thị hiện sanh ở thành Vương Xá, là vị Bồ-tát tại gia chứng đến Đẳng giác.”* Đích thực có người này, khi Thích-ca Mâu-ni Phật tại thế, người tại gia học Phật cũng chứng được địa vị Đẳng giác. Người sáng lập China Nội học viện vào những năm đầu Dân quốc là đại sư Âu Dương Cảnh Vô, người đời sau chúng ta tôn xưng là đại sư, là cư sĩ tại gia. Nội học viện này thời gian tổ chức mặc dù không dài, chỉ có hai năm, nhưng hai năm ấy thật có công đức, đã tiếp nối huệ mạng Phật pháp. Những đại cư sĩ tại gia vào những năm đầu Dân quốc này, những người như cư sĩ Giang Vị Nông, người xuất gia thì bao gồm cả pháp sư Thái Hư, pháp sư Thái Hư là học viên dự thính của Nội học viện, cư sĩ Vương Ân Dương, những vị đại đức nổi tiếng này đều xuất thân từ Phật học viện này. Ngài nói rất rõ ràng, ngài nói Phật pháp là sư đạo, sư đạo chính là giáo dục. Ngài có một lần diễn giảng vào năm Dân quốc thứ 12, phát biểu tại Đại học Trung Sơn Đệ Tứ, bài diễn giảng này lúc bấy giờ đã chấn động cả nước. Đề tài thuyết giảng của ngài là *“Phật pháp không phải tôn giáo, không phải triết học, mà là điều thời nay không thể thiếu”*, một đề tài như vậy. Đại học Trung Sơn Đệ Tứ chính là Đại học Sư phạm Nam Kinh ngày nay, ở Nam Kinh. Đã là sư đạo, vậy trong dạy học thì thầy là lớn nhất, tôn sư trọng đạo, hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng. Học trò đối với thầy không có tâm cung kính thì chẳng học được gì cả. Đúng như đại sư Ấn Quang đã nói, *“một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Thầy dạy bạn, bạn đạt được bao nhiêu không nằm ở phía thầy, mà ở tâm cung kính của chính mình. Bạn đạt được bao nhiêu là tỉ lệ thuận với tâm cung kính của chính mình, đạo lý là như vậy.

Đặc biệt nói rõ, bạn học Phật rồi thì thầy là lớn nhất. Vậy tôi là người xuất gia, thầy của tôi là người tại gia, phải nhớ lấy, thầy là lớn nhất, gặp thầy phải đánh lễ ba lạy, giống như gặp Phật vậy. Thầy là cư sĩ, quả thật là như

vậy. Lời nói này, trong thời đại đó, khoảng hơn 80 năm trước, ngài ấy đã nói ra như vậy. Thích-ca Mâu-ni Phật năm xưa tại thế đã biểu diễn ra rồi, đã làm cho chúng ta thấy. Chúng ta chỉ biết Thích-ca Mâu-ni Phật, còn có một vị Phật tại gia, mọi người lại quên mất. Thân phận tại gia có địa vị ngang với Thích-ca Mâu-ni Phật, đó là Phật tại gia, cư sĩ Duy-ma-cật, cùng thời với Thích-ca Mâu-ni Phật. Đồng thời có hai vị Phật, một vị tại gia, một vị xuất gia. Bạn xem học trò của Thích-ca Mâu-ni Phật, chúng ta thấy trong kinh, hầu như kinh nào cũng có hai người này, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất đại biểu trí tuệ bậc nhất, Mục-kiền-liên đại biểu thần thông bậc nhất. Cư sĩ Duy-ma-cật giảng kinh, Thích-ca Mâu-ni Phật bảo hai học trò này đi nghe kinh, gặp mặt cư sĩ Duy-ma-cật thì đánh lễ ba lạy, đi nhiều bên phải ba vòng, nghi lễ đó hoàn toàn giống như gặp Thích-ca Mâu-ni Phật. Phật từ bi, vào khi đó đã diễn ra cho chúng ta thấy, dạy người đời sau biết được tôn sư trọng đạo, đặc biệt là dạy người xuất gia. Tu hành khai ngộ, minh tâm kiến tánh, đắc đạo chứng quả, người tại gia có! Họ đạt đến địa vị này thì họ chính là Phật, họ chính là thầy. Chúng ta đối với họ phải cung kính như đối với Phật, không thể hạ thấp họ, không thể khinh thường, vậy thì bạn hoàn toàn sai rồi.

Lần nói chuyện ấy của đại sư Âu Dương, nói rất rõ ràng, rất tường tận. Chúng ta tuy là hậu bối, khi ngài phát biểu bài diễn giảng đó thì tôi còn chưa ra đời. Tôi sinh năm Dân quốc thứ 16, còn bài diễn giảng đó là năm Dân quốc thứ 12. Chúng ta đọc được rồi, hiểu được dụng ý của ngài. Người xuất gia phải học khiêm tốn, cư sĩ tại gia, đức năng của họ, sự tu hành của họ tốt hơn ta thì ta nên khiêm hạ học hỏi họ, xem họ như thầy, như vậy mới thành tựu được chính mình. Cho nên trong bộ kinh này, đặc biệt hiển bày ý sâu sắc này. Bạn xem, Bồ-tát xuất gia chỉ nêu 3 vị, Bồ-tát tại gia lại nêu 16 vị. Mười sáu vị này địa vị hoàn toàn bình đẳng với ba vị nêu ở phía trước, thấy đều là Bồ-tát Đẳng giác. Cho nên khi Phật còn tại thế quả thật có chánh sĩ Hiền Hộ, ngài

sinh ở thành Vương Xá, là Bồ-tát tại gia chứng đến địa vị Đẳng giác, trên thực tế đều là Phật tại gia, Duy-ma-cật đại biểu cho Phật tại gia, địa vị Diệu giác. Cho nên tại gia có thể tu hành thành Bồ-tát, thành Phật. Đây chính là những gì nói về Quán Thế Âm trong phẩm Phổ Môn: “Nên dùng thân gì để độ được thì liền hiện thân ấy”. Đặc biệt trong thời đại hiện nay, dùng thân tại gia để giáo hóa chúng sanh dễ hơn, dễ hơn người xuất gia rất nhiều. Tại gia có thể kinh doanh các loại sự nghiệp khác nhau, có thể khởi tác dụng dẫn đầu ở trong các ngành nghề, đó chính là ý nghĩa của “Hiền Thủ”.

Chúng ta lại xem tiếp lời khai thị của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cho chúng ta: *“Nếu xét theo nghĩa đặc biệt của kinh này”*, đây là kinh Vô Lượng Thọ, chuyên giảng pháp môn Tịnh tông, dạy chúng ta niệm Phật mang nghiệp vãng sanh. Y theo bộ kinh này, theo ý nghĩa của lần giảng tọa này mà nhìn, *“căn cứ kinh Bát-chu Tam-muội”*, trong kinh Bát-chu Tam-muội có một đoạn như vậy; *“vị Bạt-đà-hòa này”*, phía trước nói Bạt-đà-bà-la là một nghĩa trong tiếng Phạn, phiên dịch khác nhau, âm đọc cũng gần giống. Bạt-đà-bà-la và Bạt-đà-hòa khác nhau không nhiều, chính là ý nghĩa của Hiền Hộ, Bồ-tát Bạt-đà-hòa, *“là người phát khởi niệm Phật tam-muội”*, bạn xem ngài tu gì? Ngài chuyên tu Tịnh độ, là người phát khởi niệm Phật tam-muội, khi Phật-đà tại thế. *“Đích thân thấy Di-đà”*, ngài từng thấy A-di-đà Phật. Chữ “đích thân thấy” này không có nói được rõ ràng, hoặc là thấy trong định, thấy trong mộng, có khi đích thực là thấy được trong trạng thái tỉnh táo, đích thân thấy Di-đà. *“Nên nay đến hội thù thắng này, giúp hiển bày pháp môn vô thượng niệm Phật tam-muội.”* Hội này có ngài ở đây, hơn nữa lại đứng hàng đầu tiên, chúng ta liền biết hội này giảng gì? Giảng niệm Phật bậc nhất. Ngài là người phát khởi niệm Phật tam-muội, biểu thị cho niệm Phật bậc nhất. Ngài đứng hàng đầu tiên trong đại hội này, pháp hội lần này chính là giảng niệm Phật bậc nhất, biểu thị ý nghĩa này.

Vị Bồ-tát thứ hai, vị Bồ-tát tại gia thứ hai, *“Bồ-tát Thiện Tư Duy, bản Đường dịch thì dịch là Bồ-tát Thiện Tư Duy Nghĩa”*, bản Đường dịch là trong kinh Đại Bảo Tích. Hội Vô Lượng Thọ Như Lai của kinh Đại Bảo Tích, trong ấy có dịch tên như vậy, tên gọi là Bồ-tát Thiện Tư Duy Nghĩa. *“Bản Ngụy dịch”*, Ngụy dịch là bản lưu hành phổ biến nhất ở Nhật Bản. Đại đức thời xưa của Nhật Bản tụng kinh Vô Lượng Thọ phần nhiều là dùng bản này, bản của Khang Tăng Khải. Chữ “Ngụy” này là Tào Ngụy thời Tam Quốc. *“Căn cứ theo phẩm Hiện Sanh trong kinh Tứ Đồng Tử”*, trong kinh này có giới thiệu. *“Các chánh sĩ như Thiện Tư Duy v.v. là Bồ-tát tại gia từ thế giới phương khác đến đây thị hiện.”* Vị Bồ-tát này không phải ở thế giới Ta-bà, là khách, là từ thế giới phương khác đến, cũng đến tham dự pháp hội lần này, hiển thị sự thù thắng của pháp hội lần này, cảm động cả Bồ-tát ở thế giới phương khác đến tham dự.

“Kinh nói: Phương Đông cách cõi Phật này mười ngàn câu-chi, có một thế giới tên là Bảo Minh.” Thế giới này của chúng ta gọi là Ta-bà, mỗi một thế giới đều có một vị Phật ở đó giáo hóa. Một thế giới chính là phạm vi giáo hóa, khu vực giáo hóa của một vị Phật. *“Phật tên là Sư Tử Minh Thanh Như Lai. Có một vị Bồ-tát tên là Thiện Tư Nghi”*, chính là Thiện Tư Duy mà chỗ này đang nói. *“Ứng thân thác sanh đến cõi này, hóa sanh trong cung của vua A-xà-thế”*, ngài đến thế giới này thọ thai, sanh trong cung của vua A-xà-thế, đây gọi là ứng thân, ngài không phải là hóa thân, mà là ứng thân, ứng hóa đến thế gian này, ngài là Bồ-tát từ phương khác đến. Danh hiệu Thiện Tư Nghi và Thiện Tư Duy có ý nghĩa tương đồng, nói rõ ý niệm của Bồ-tát, tâm thái của Bồ-tát, là thuần tịnh thuần thiện. Chữ thiện này không phải là thiện trong thiện ác, giống như câu nói trong Tam Tự Kinh của chúng ta, *“tánh người vốn thiện”*, là cái thiện này. Thiện trong thiện ác là cấp độ rất thấp, trong lục đạo mới có thiện ác; ra khỏi lục đạo thì không còn thiện ác, không còn thiện ác mới gọi là Tịnh độ. Cho nên chỉ có nhiễm tịnh, không có thiện ác. Đối với lục đạo mà

nói, đó là Tịnh độ, còn lục đạo là ô nhiễm. Cái thiện này so với cấp độ của Tịnh độ này thì còn cao hơn, trong Phật pháp nói về cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai, đó mới gọi là chân thiện. Bởi vì các ngài là Bồ-tát Đẳng giác, nhất định thuộc cấp độ cao nhất, cho nên chúng ta không thể dùng định nghĩa của phàm phu trong lục đạo để giải thích, vậy thì sai rồi.

Tiếp theo nói, *“Phương Nam cách đây năm trăm ức thế giới, có một thế giới, Phật tên là Bảo Tích Thiện Hiện Như Lai, có một vị Bồ-tát tên là Tịch Tĩnh Chuyển”*, chính là Huệ Biện Tài được nói trong kinh này của chúng ta, Huệ Biện Tài ở đây gọi là Tịch Tĩnh Chuyển. *“Ở trong thành Xá-vệ này, sanh vào nhà đại cư sĩ Tỳ Su Tử. Phương Tây cách đây hơn tám ức trăm ngàn cõi Phật, chỗ của Nhạc Âm Như Lai, có một vị Bồ-tát tên là Vô Phan Duyên”*, chính là Quán Vô Trụ mà chúng ta nói ở chỗ này. *“Ở nước Ba-la-nại, hóa sanh trong nhà đại cư sĩ Thiện Quý. Phương Bắc cách đây sáu vạn bốn trăm ngàn ức cõi Phật, chỗ của Trụ Bồ-đề Phần Chuyển Như Lai, có một vị Bồ-tát tên là Khai Phu Thần Đức”*, chính là Thần Thông Hoa mà chỗ này nói. *“Sanh ở thành Tỳ-da-ly, trong nhà Đại Tướng Sư Tử. Bốn đông tử này và vô lượng đại chúng, cùng đến chỗ Sa-la Song Thọ, cung kính cúng dường.”* Đây là ghi chép về Bồ-tát phương khác, Bồ-tát Đẳng giác từ phương khác có nhân duyên rất sâu với Thích-ca Mâu-ni Phật, hiển thị ra điều mà trong kinh giáo thường nói là “một Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ”. Mọi người thấy Thích-ca Mâu-ni Phật đến địa cầu này thị hiện thành Phật độ chúng sanh, những chư Phật Như Lai và Bồ-tát Đẳng giác có nhân duyên sâu dày với Thích-ca Mâu-ni Phật thấy đều đến. Thích-ca Mâu-ni Phật giảng sinh ở nước Ca-tỳ-la-vệ, trong cung vua Tịnh Phạn, những vị này mỗi người tìm một chỗ, thấy đều giảng sinh đến, dùng đủ loại thân phận khác nhau, có thân phận Bồ-tát, có thân phận Thanh văn, có thân phận Duyên giác, có thân phận xuất gia, có thân phận tại gia, cũng có thân phận quốc vương đại thần, đủ loại thân phận khác nhau để hộ trì Thích-ca Mâu-ni Phật. Mọi người cùng nhau đến diễn một vở kịch, Thích-ca Mâu-ni Phật là nhân vật chính, còn các

vị ấy đều đến làm vai phụ, khiến vở diễn này diễn được viên mãn. Biểu diễn sống động hoạt bát, vì sao vậy? Vì giáo hóa chúng sanh. Chúng ta ở đây thấy được điều gì? Hòa hợp, không có ganh ghét, không có tranh danh đoạt lợi. Ai đứng ra dẫn đầu lãnh đạo cũng được, đều hoan hỷ, điều này chúng ta phải học. Mục tiêu phương hướng chung chỉ có một, hy vọng những chúng sanh mê hoặc, vẫn chưa giác ngộ này, giúp họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, chỉ một mục tiêu này. Mục tiêu phương hướng này giống nhau, cho nên mọi người thấy đều đến. Mấy vị này là những người Phật nêu trong kinh điển, hơn nữa các cư sĩ này là cư sĩ tu hành chứng quả, vào thời Ấn Độ lúc bấy giờ đều rất nổi tiếng, nhắc đến ai cũng biết.

Xem tiếp bên dưới: *“Tiếp theo là bốn vị chánh sĩ từ Bồ-tát Quang Anh, như kinh Phật Danh quyển bảy nói, Quang Anh, Huệ Thượng”, Huệ Thượng ở đây chính là Trí Thượng, “Tịch Căn, Nguyễn Huệ, bốn vị Bồ-tát này, là tướng trạng từ cõi Phật bốn phương đến tụ hội nơi cõi này”, đây là hóa thân đến. Phía trước thấy là ứng thân đến, đến thế gian này thọ thai, gọi là ứng thân, còn đây là hóa thân. “Lại nữa, kinh Văn-thù-sư-lợi Nghiêm Tịnh cũng nói: bốn vị chánh sĩ này từ bốn phương đến, giống như điều vừa nói.” Đây cũng có thể nói là Phật rất nhiều lần giới thiệu ở trong kinh. “Lại nữa, kinh Nguyệt Đăng Tam-muội quyển ba nói: Bồ-tát Hương Tượng từ nơi A-súc Phật ở phương Đông, cùng với na-do-tha Bồ-tát, cùng đến thăm hỏi Thích-ca Mâu-ni Phật.” Vị Hương Tượng này, trong 16 vị đã nêu ở phần trước thì ngài xếp thứ 12. Ngài từ nơi A-súc Phật ở phương Đông, ngài là đệ tử của A-súc Phật, dẫn theo rất nhiều người. Na-do-tha, chúng ta thông thường nói là vô số, số lượng quá nhiều. Dẫn theo nhiều Bồ-tát như vậy, cùng đến thăm hỏi Thích-ca Mâu-ni Phật, hướng về Thích-ca Mâu-ni Phật thăm hỏi, hướng về Thích-ca Mâu-ni Phật vấn an. “Từ Hiền Hộ cho đến Hương Tượng vừa nêu ở trên”, tổng cộng là 10 vị. “Sáu vị còn lại thì như Chân Giải nói”, Chân Giải là chú giải kinh Vô Lượng Thọ của pháp sư Đạo Ấn người Nhật, tên chú giải gọi là Chân Giải. Ở Tịnh tông Nhật Bản*

thì đây là chú giải rất nổi tiếng, bản chú giải của ngài cũng truyền đến Trung Quốc. Cho nên tổ sư đại đức Tịnh tông Trung Quốc cũng tham khảo chú giải của ngài, đây là một bản sách hay giải thích kinh Vô Lượng Thọ rất có tiếng tăm. “*Các vị còn lại là Trí Tràng*”, chính là Bảo Tràng. “*Bảo Anh, Trung Trụ, Chế Hạnh, Giải Thoát v.v.*”, mấy vị này “*tuy chưa thấy mình chứng trong kinh*”, tức khi Phật nói kinh không nhắc đến tên các ngài. Thế nhưng trong kinh Vô Lượng Thọ này thì Phật đã nói đến, “*nhưng cứ theo trên mà suy*”, chúng ta dùng tiêu chuẩn ở phần trước thì có thể thể hội được. “*Ắt hẳn đều là các đại sĩ từ phương khác đến*”, nhất định là từ thế giới khác đến đây, tham gia lần hoạt động này của Thích-ca Mâu-ni Phật, đại hội kinh Vô Lượng Thọ. “*Theo những gì chú trong Chân Giải thì là dùng bản Ngụy dịch*”, bản của ngài Khang Tăng Khải, bản của Khang Tăng Khải ở Nhật Bản rất nổi tiếng. “*Bản Ngụy dịch chỉ liệt kê tên của 15 vị chánh sĩ*”, tức là 16 vị ở đây, trong bản Ngụy dịch chỉ có 15, 15 danh hiệu. “*Trong đó thiếu Bồ-tát Huệ Biện Tài. Vị Bồ-tát này thấy trong bản Đường dịch. Chân Giải cho rằng Tín Huệ chính là Huệ Biện Tài.*” Hiện nay Tín Huệ và Huệ Biện Tài được tách thành hai vị, tách làm hai người, như vậy “*mới phù hợp với con số 16*”. Bởi vì 16 là biểu pháp trong Mật tông, 16 biểu thị cho viên mãn, nó không phải là con số thật, đều là biểu pháp. “*Do đó biết Bồ-tát Tín Huệ cũng phải như các chánh sĩ Bảo Tràng v.v., cũng là từ phương khác đến.*” Ngài không phải là Bồ-tát của thế giới Ta-bà, mà là các Bồ-tát từ thế giới khác đến tham dự pháp hội lần này.

“*Chân Giải với điều này lại có phần làm sáng tỏ thêm.*” Trong đây trích ra đoạn văn của Chân Giải, “*văn viết: Đầu tiên liệt kê 16 vị chánh sĩ như Hiền Hộ v.v., là nhằm hiển thị pháp này không lấy phát tâm xuất gia làm gốc*”. Hiển thị là chỉ rõ, chỉ rõ ra pháp môn này không lấy phát tâm xuất gia làm gốc rễ, cũng chính là không phải chủ yếu nói cho họ. “*Tiếp đến nêu ra những vị từ phương khác đến, nhằm chỉ rõ trong cõi Phật mười phương đều lấy pháp này làm đại sự xuất thế, do vậy cùng đến tinh tấn cầu pháp này.*” Lời bàn này rất hợp với tông chỉ của

kinh.” Không lấy xuất gia làm gốc, vậy lấy gì làm gốc? Lấy tại gia làm gốc. Đặc biệt là 9.000 năm thời kỳ mật pháp về sau của Thích-ca Mâu-ni Phật. Người xuất gia có thể càng ngày càng ít, người tại gia tu hành càng ngày càng nhiều. Tại gia tu hành tu pháp môn nào thành tựu? Chính là pháp môn này, chắc chắn thành tựu. Những Bồ-tát tại gia này đã làm thị hiện cho các bạn, đã làm chứng minh, tại gia có thể thành Phật, tại gia có thể thành Đẳng giác, các ngài đến làm thị phạm, khiến bạn khởi lòng tin. Cách nói này của Chân Giải rất tương ứng với tông chỉ của kinh này. Dưới đây nói, *“bởi vì tại gia tu hành, thích hợp nhất là trì danh niệm Phật”*. Đầu tiên là Hiền Hộ làm tấm gương cho chúng ta. *“Đại sĩ mười phương đều đến nghe pháp, biểu thị pháp này thù thắng, thật là đại sự nhân duyên.”* Đại sự này là liễu sanh tử, thoát tam giới, chứng bồ-đề, đắc đại quả, đây là đại sự nhân duyên.

Tiếp theo là lời bàn luận của lão cư sĩ Hoàng: *“Lại nữa, Hiền Hộ biểu thị Như Lai khéo hộ niệm các Bồ-tát.”* Quả thật trong danh hiệu có ý nghĩa này. Như Lai có hai ý nghĩa, nói từ trên lý là tự tánh. Tư tưởng, lời nói, việc làm của con người tương ứng với tánh đức, thì trí tuệ đức tướng trong tự tánh của bạn sẽ thường xuyên hiện tiền. Vì sao? Tâm tâm tương ấn, hết thấy pháp từ tâm tướng sanh. Trong kinh Hoa Nghiêm nói *“tâm hiện thức biến”*. Đây là căn cứ lý luận cho thấy tự tánh có thể nâng cao năng lượng của chúng ta, nâng cao cảnh giới của chúng ta, đây là ý nghĩa thứ nhất. Nghĩa thứ hai, Như Lai là Thích-ca Mâu-ni Phật, là A-di-đà Phật, là những người đã tu hành chứng được địa vị Diệu giác. Ý thức của chúng ta chính là ý niệm, ý niệm không thể nghĩ bàn. Chúng ta xem thấy trong Hoàn Nguyên Quán, bất luận là cố ý hay là vô ý thì ý niệm là sự dao động sóng. Dao động sóng này cực kỳ nhỏ yếu, nhưng tốc độ của nó quá nhanh, không dao động thì thôi, hễ dao động vừa khởi lên liền lập tức trọn khắp pháp giới. Việc này chúng ta không thể tưởng tượng nổi, không ngờ rằng ngày nay các nhà khoa học lượng tử đã phát hiện, lời họ nói rất gần với điều Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói, họ nói dao

động sóng này cũng là trọn khắp pháp giới. Đã trọn khắp pháp giới, vậy những chư Phật Như Lai trong pháp giới mười phương này, thông tin này các ngài đều nhận được. Đã nhận được, lẽ nào lại không gia trì? Cho nên thông tin phát ra là cảm, chư Phật Bồ-tát đáp lại, là ứng lại, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Tôi tin chắc rằng, cơ học lượng tử thêm khoảng 5 năm nữa có lẽ sẽ rất phổ biến, đó là việc tốt, đối với người thông thường như chúng ta sẽ sanh khởi lòng tin vô cùng. Trên trái đất có nhiều tai nạn như vậy, có thể hóa giải các tai nạn này hay không? Có thể! Lượng tử cung cấp cho chúng ta lý luận này, lý luận này vốn ở trong kinh Đại thừa, 3.000 năm trước Thích-ca Mâu-ni Phật đã từng nói rồi. Điều này xưa nay đều là cách nói như vậy, có thể thấy nó là thật, không phải giả. Cho nên chỉ cần thay đổi ý niệm của chúng ta, vấn đề liền được giải quyết ngay.

Thế nên chúng ta xem thấy, đây là chuyện của năm nay. Vào nửa cuối năm ngoái, tôi xem được một đĩa của Lưu Tố Vân, là một phóng sự do phóng viên phỏng vấn, ban đầu chẳng phải là phỏng vấn bà ấy. Ở Đông Bắc là họ đang phỏng vấn một tin tức khác, nghe thấy một chuyện kỳ lạ như vậy, mắc bệnh lupus ban đỏ nặng như thế mà lại không dùng thuốc men, cũng chẳng tiêm thuốc, chỉ niệm Phật mà niệm khỏi, họ cảm thấy lạ nên đến phỏng vấn bà. Tôi xem đoạn phóng sự ghi lại cuộc phỏng vấn khoảng nửa giờ. Đây là gì? Ý niệm. Cái này cùng với điều Phật nói, cùng với điều nhà cơ học lượng tử nói là hoàn toàn tương ứng. Bệnh nặng như vậy, bà không để trong tâm, quý vị phải biết, nếu mắc bệnh mà thường xuyên để bệnh trong tâm thì rất khó, cuối cùng chỉ có con đường chết. Người vốn không có bệnh, thân thể rất khỏe mạnh, mà thường xuyên nghĩ chỗ này đau, chỗ kia đau, vậy thì nhất định sanh bệnh. Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh, bạn hằng ngày nghĩ bệnh, vậy bạn làm sao không sanh bệnh cho được? Trước đây tôi có một người bạn, bạn xuất gia, anh ấy xuất gia từ nhỏ, bị quân đội bắt đi lính, không còn cách nào khác! Cho nên theo quân đội sang Đài Loan, anh muốn thoát khỏi quân

đội, vẫn muốn quay về đời sống xuất gia. Vậy phải làm sao? Tuổi tác còn rất trẻ, liên hằng ngày nghĩ mình có bệnh tim thì tốt biết mấy. Anh ấy nghĩ chưa đến một năm, đi khám thật sự có bệnh tim, cho nên họ liền cho anh ấy nghỉ phép, rồi rời khỏi quân đội. Bệnh tim này cả đời không thể khỏi, cũng đã hại cả đời anh, từ tâm tưởng sanh mà! Lúc đó chúng tôi còn trẻ, không hiểu đạo lý này trong Phật pháp. Nếu hiểu đạo lý này, sẽ nói cho anh ấy biết, hãy khiến ý niệm của anh trở lại bình thường, đừng bao giờ nghĩ đến bệnh tim nữa, hằng ngày nghĩ A-di-đà Phật, có lẽ bệnh tim sẽ không còn, sẽ không theo anh nữa. Tâm tưởng sự thành! Hằng ngày nghĩ A-di-đà Phật, tương lai bạn sẽ thành Phật! Hằng ngày nghĩ bệnh, chắc chắn bạn sẽ mắc bệnh nặng. Phải hiểu đạo lý này.

Năm xưa khi tôi ở Mỹ, tôi rất ít khi sanh bệnh, có một lần bị cảm, tôi tìm một bác sĩ, bác sĩ là người Trung Quốc. Nói chuyện với tôi cũng rất hợp, có một ngày tôi nói với ông ấy, tôi nói: bệnh khỏi không phải do bác sĩ chữa khỏi. Ông ấy rất kinh ngạc, ông hỏi vì sao? Tôi nói: lòng tin chiếm 70%, bác sĩ chiếm 30%. Bệnh nhân tin bác sĩ, bác sĩ tin bệnh nhân, vậy bệnh này rất dễ khỏi, do lòng tin! Nếu bác sĩ nghi ngờ bệnh nhân, bệnh nhân cũng nghi ngờ bác sĩ, đối với thuốc men cũng nghi ngờ, vậy thì bệnh này chỉ có nặng thêm, không thể hồi phục được. Ông ấy nghe xong, cảm thấy rất có lý. Thực sự là như vậy, một chút cũng không sai. Lòng tin chi phối hết thảy, giống như hiện nay nhà cơ học lượng tử nói với chúng ta rất khẳng định: Ý niệm và năng lượng không thể nghĩ bàn, ý niệm chi phối hết thảy, thậm chí ý niệm có thể thay đổi quỹ đạo của tinh cầu trong không gian, có năng lượng lớn như vậy. Hơn nữa ý niệm này mỗi người đều có, nhưng vấn đề là phải tập trung thì sức mạnh mới lớn. Ý niệm của chúng ta phân tán, suốt ngày vọng tưởng lung tung, cho nên sức mạnh rất yếu ớt. Thế nên tu định, định là gì? Định là ý niệm tập trung. Bạn xem Phật nói trong kinh Di Giáo: “Đặt tâm vào một chỗ, không việc gì không thành”, câu nói này rất quan trọng. Bạn có thể tập trung

ý niệm, tập trung vào một điểm thì không có việc gì bạn không làm được. Chúng ta muốn hóa giải hết thảy tai nạn trên địa cầu, vậy ý niệm tập trung đó có thể làm được. Cho nên cầu nguyện có hiệu quả, không phải không có hiệu quả, khi cầu nguyện thì ý niệm phải tập trung, vậy nó mới sinh ra tác dụng. Nếu ý niệm không tập trung thì sự cầu nguyện này sẽ không sinh ra hiệu quả. Nó đều có đạo lý, không phải mê tín. Cho nên, Hiền Hộ biểu thị Như Lai khéo hộ niệm các Bồ-tát, dùng điều gì để khéo hộ niệm? Khéo này là cái tốt nhất, hộ niệm tốt nhất đối với các Bồ-tát này, *“biển nguyện Nhất thừa, sáu chữ hồng danh, trùm khắp ba căn, gồm thâu vạn loại”*, chính là bốn câu này.

Khi tôi còn trẻ, tôi nhớ lúc giảng kinh điển Tịnh độ, là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, tôi tham khảo chú giải của pháp sư Quán Đảnh thời Càn Long tiền Thanh. Trong chú giải ngài có một câu bảo với chúng ta, khi chúng ta gặp khó khăn, cầu Phật Bồ-tát gia trì, dùng những phương pháp của Phật giáo để hóa giải tai nạn. Ngài nói: nghiệp chướng của bạn rất nặng, hết thảy kinh giáo sám pháp đều không cách nào tiêu trừ nghiệp chướng của bạn, bạn dùng mọi phương pháp cũng không tiêu trừ được, cuối cùng vẫn còn một phương pháp, chắc chắn có thể tiêu trừ được, phương pháp đó là gì? Một câu A-di-đà Phật, nhất tâm chuyên niệm. Thuở đó chúng tôi xem thấy ngài viết như vậy trong phần chú giải kinh, chúng tôi không có lòng tin đối với ngài, mặc dù không phản đối, cũng mang lời của ngài đi giới thiệu, thế nhưng không có lòng tin, không hiểu đạo lý. Về sau chúng tôi học kinh Hoa Nghiêm, học Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, mới bỗng nhiên đại ngộ. Lại thấy cơ học lượng tử hiện đại cũng nói như vậy, ý niệm tập trung, sức mạnh này quá lớn. Tập trung vào đâu? Tập trung vào một câu A-di-đà Phật, gọi là sáu chữ hồng danh, bốn chữ cũng được. Vì sao vậy? Càng đơn giản thì hiệu quả càng lớn. Một câu Phật hiệu này thật sự có tác dụng. Dùng một câu Phật hiệu này để gia trì hết thảy các Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm cho đến Đẳng giác. Một niệm tâm thanh tịnh của bạn niệm câu Phật hiệu này, sức mạnh không

thể nghĩ bàn. Câu Phật hiệu này, A-di-đà Phật là gì? Là tên gọi của tự tánh. Phiên dịch nó ra, đây là tiếng Ấn Độ, tiếng Phạn, dịch ra gọi là vô lượng, Phật là giác ngộ, vô lượng giác, vô lượng trí tuệ, vô lượng giác ngộ. Đó là bản năng của tự tánh, tự tánh vốn dĩ chính là vô lượng giác. Dùng câu danh hiệu này để khai phát ra vô lượng trí tuệ, vô lượng giác ngộ vốn có trong tự tánh của chính mình, tác dụng đó quá lớn! Năm xưa khi chúng tôi học kinh giáo, những danh từ thuật ngữ này đều rất quen thuộc, nhưng vì sao không sanh khởi lòng tin? Bởi chúng tôi không tham cứu thấu triệt đạo lý trong kinh giáo, cũng không có ai giảng rõ ràng, giảng sáng tỏ với chúng tôi. Chúng tôi ở trong kinh giáo miệt mài không bỏ, đã dụng công nhiều năm như vậy, dần dần sáng tỏ, dần dần giác ngộ, khẳng định rồi, không còn hoài nghi nữa, phương pháp này khởi tác dụng.

Phật môn chúng ta thì niệm A-di-đà Phật, Kitô giáo niệm Thượng đế có được không? Được. Hồi giáo niệm Chân chủ, có được không? Được. Là một đạo lý! Chỉ cần bạn tập trung ý niệm vào một niệm thì sẽ sanh ra năng lượng không thể nghĩ bàn, năng lượng này có thể giải quyết hết thảy vấn đề. Cho nên tóm lại cần phải làm cho rõ ràng đạo lý, phương pháp đúng đắn, nhất định không hoài nghi, đó không phải mê tín. Hiện nay rất nhiều người nói tôn giáo là mê tín, chúng ta nghe rồi cảm khái vô cùng, ai mê tín? Chính họ mê tín. Vì sao nói họ mê tín? Bạn nói tôn giáo là mê tín, vậy tôn giáo là gì, bạn có biết hay không? Họ không biết. Không biết mà lại có thái độ đó, chính là bạn không đủ tư cách nói, không đủ tư cách so sánh, không đủ tư cách phê bình. Bạn làm cho rõ ràng rồi thì bạn có thể nói nó là đúng, nói không đúng, bạn có thể nói. Bạn chưa làm cho rõ ràng thì đây mới thật là mê tín. Tự lầm lẫn người, tội lỗi này vô cùng nặng. Định luật nhân quả ở trong mười pháp giới, chưa thoát khỏi mười pháp giới thì nhất định có nhân quả, không thể trái với định luật nhân quả. Sau khi thoát khỏi mười pháp giới, bạn hoàn toàn đã giác ngộ, hoàn toàn đã sáng tỏ, chính mình mới thật sự làm chủ được, bốn

chữ thường lạc ngã tịnh này bạn thật sự đạt được, cho nên có ta thật. Thân thể này là ta giả, không phải ta thật. Sau khi minh tâm kiến tánh thì mới tìm được ta thật. Định nghĩa của ta, nghĩa là tự tại, nghĩa là làm chủ, bạn thật sự có thể làm chủ. Hiện nay chúng ta không làm chủ được. Nếu có thể làm chủ, vậy năm nào ta cũng mười tám thì hay biết mấy! Vậy thì ta mới gọi là làm chủ thật sự. Năm sau già yếu hơn năm trước, đây là không làm chủ được. Mỗi ngày ta đều vui vẻ thì tốt biết mấy, bạn không làm được. Ta này có nghĩa là chủ tể. Kiến tánh thì chủ tể hiện tiền, bạn thật sự có thể làm được. Cho nên sau cùng nói “chính là ý nghĩa của Hiền Hộ”. Biển nguyện Nhất thừa, sáu chữ hồng danh, trùm khắp ba căn, gồm thâu vạn loại, 16 chữ này bao gồm toàn bộ nội dung của kinh Vô Lượng Thọ. Thích-ca Mâu-ni Phật mở ra pháp hội này, giảng môn học này, giảng những gì? Chính là 16 chữ này. Đặc biệt Nhất thừa thật tuyệt vời, Nhất thừa là thành Phật, cứu cánh viên mãn.

Chúng ta xem tiếp: *“Lại nữa, Thiện Tư Duy biểu thị chánh trí sáng rõ, tin sâu trí tuệ Phật, đồng thời cũng biểu thị Pháp Tạng lúc ở nhân địa tư duy năm kiếp, kết thành nhân thù thắng của đại nguyện.”* Cho nên danh hiệu đều là biểu pháp, nó đại biểu cho chánh trí sáng rõ. Chánh trí không phải từ bên ngoài đến, là chính mình vốn sẵn có, chính là điều Phật nói “hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ của Như Lai”, đây là chánh trí. Trí tuệ của chúng ta không sáng rõ, bởi có chướng ngại, thứ gì chướng ngại? Vọng tưởng là loại chướng ngại thứ nhất; phân biệt là loại chướng ngại thứ hai; chấp trước là loại chướng ngại thứ ba. Cho nên ba loại chướng ngại này khiến trí tuệ của chúng ta không hiển lộ ra được, trí tuệ không có nữa. Thật ra đây là thật, không phải là giả, vì sao trí tuệ lại không hiển lộ ra được? Trí tuệ sau khi xuyên qua ba loại chướng ngại này, nó cũng hiển lộ ra được, hiển lộ ra cái gì? Là biến chất, biến thành gì? Biến thành phiền não. Cho nên Phật nói rất hay trong kinh, “phiền não tức bồ-đề, sanh tử tức niết-bàn”, lời này nói rất vi tế. Phiền não và trí tuệ là một sự việc, khi không mê thì gọi là trí tuệ, khi mê thì gọi là phiền não.

Cho nên phiền não có thể đoạn không? Không thể đoạn. Phiền não đoạn rồi thì trí tuệ cũng không còn nữa, nó là hai mặt của một thể. Cho nên chánh thuyết của kinh Phật, gọi là “chuyển phiền não thành bồ-đề”, phải chuyển đổi nó, không thể đoạn nó. Bởi vì nó là tánh đức của tự tánh, bạn không đoạn được, nó vĩnh viễn tồn tại, không sanh không diệt; thế nhưng nó có mê ngộ, mê rồi thì là phiền não, ngộ rồi thì là trí tuệ.

Chỉ khi chánh trí sáng rõ, bạn mới tin sâu trí tuệ của Phật. Phật này là người chứng được minh tâm kiến tánh, vì sao vậy? Bởi phiền não của các ngài không còn nữa, đã hoàn toàn chuyển thành trí tuệ, bạn cần phải tin tưởng các ngài. Chúng ta chưa chuyển lại được, vẫn là phiền não, chưa chuyển thành bồ-đề. Sau khi chúng ta chuyển được rồi thì cũng giống như các ngài, Phật Phật đạo đồng, không tăng không giảm. Cho nên Phật pháp vĩnh viễn là pháp bình đẳng. Trí tuệ của Phật chính là trí tuệ của chính chúng ta, đã sáng rõ rồi, không chướng ngại nữa. Phiền não của chúng ta, nói từ phía Phật thì chính là trí tuệ của Phật, ở trong đây đã có chướng ngại nên trí tuệ biến chất, chính là sự việc này. Biến chất là nhất thời, là tạm thời, không phải vĩnh hằng, rất dễ khôi phục bình thường. Khôi phục bình thường thì cùng với Phật không hai không khác, cho nên Phật tôn trọng đối với phàm phu, không có mảy may tâm khinh mạn. Trong mắt Phật thấy hết thấy chúng sanh đều giống như ngài, không hai không khác. Chỉ cần bạn giác ngộ, chỉ cần bạn chịu buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì bạn liền giống như ngài. Cho nên tin sâu trí tuệ của Phật là việc rất không dễ, chúng ta là do huân tập kinh giáo trong thời gian dài như vậy, mới dần dần hiểu rõ, không còn mảy may nghi ngờ nào nữa.

Về mặt biểu pháp thì sao? Ngài cũng hiển thị “Pháp Tạng lúc ở nhân địa”, Bồ-tát Pháp Tạng chính là tiền thân của A-di-đà Phật, trước khi chưa thành Phật, trong quá trình ngài tu hành, pháp hiệu của ngài gọi là Pháp Tạng, tỳ-kheo Pháp Tạng, Bồ-tát Pháp Tạng. Khi còn tu nhân, ngài tu trong

thời gian bao lâu? Năm kiếp, “năm kiếp tư duy”, hai chữ này rất quan trọng, ngài nghĩ gì? Ngài nghĩ về thế giới Cực Lạc, nghĩ suốt năm kiếp, ngài đã nghĩ thành công, thế giới Cực Lạc hiện tiền. Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh, chẳng phải chính là đạo lý này sao! Ngày nay chúng ta hiểu rõ rồi, chúng ta có nhiều đồng học như vậy, bạn phải hiểu được câu nói này, ý nghĩa sâu xa ẩn chứa bên trong, hơn nữa A-di-đà Phật đã làm chứng minh cho bạn, thế giới Cực Lạc thật sự là do ngài nghĩ ra, từ trong không sanh ra có. Nếu chúng ta có thể dùng thời gian 50 năm, dùng thời gian 100 năm ở đó mà nghĩ, nghĩ địa cầu này khôi phục bình thường giống như thế giới Cực Lạc, có thể thành công hay không? Chắc chắn có thể thành công. Chỉ có một ý niệm, không được có ý niệm thứ hai, ý niệm thứ hai xen tạp vào thì sẽ phá hoại ý niệm này. Cùng một đạo lý, chúng ta chỉ có một ý niệm thanh tịnh, nghĩ thân tâm mình khỏe mạnh, có thể được thân tâm khỏe mạnh hay không? Có thể! Thế gian có pháp hay không? Không có pháp, không có bất cứ pháp nào. Có cái gì? Cái có là tâm thái, chính là ý niệm. Cho nên nhà khoa học ngày nay nói cho chúng ta biết, hết thấy hiện tượng vật chất ở thế gian, đều là tướng hư ảo do ý niệm tích lũy liên tục mà sinh ra, đây gọi là vật chất. Trên thực tế thì không có vật chất, bất cứ vật chất nào cũng có thể trở về năng lượng, điều này nhà khoa học đã nêu ra từ rất sớm. Chất và năng có thể chuyển hóa lẫn nhau, họ nêu ra một học thuyết như vậy. Hiện nay lượng tử nói càng rõ hơn, hết thấy vật chất đều là sự tích lũy của ý niệm. Một ý niệm tốt, một ý niệm thuần tịnh thuần thiện, khi hiện ra chính là thế giới Cực Lạc.

Ngày nay xã hội này loạn như vậy, tai nạn trên địa cầu nhiều như vậy, là do đâu? Ý niệm bất thiện, tự tư tự lợi, tham sân si mạn, tổn người lợi mình, thấy đều là do ý niệm này. Loại ý niệm này, người trên toàn thế giới ai nấy đều mang loại ý niệm này, ý thức tập thể này, sức mạnh liên lớn, sức mạnh này có thể hủy diệt địa cầu. Chúng ta đã làm rõ đạo lý này rồi, chúng ta muốn cứu vãn địa cầu này thì phải chuyển ý niệm trở lại. Chỉ cần số ít người chuyển

trở lại cũng có thể sinh ra hiệu quả không thể nghĩ bàn. Nhà khoa học đưa ra cho chúng ta một con số, là căn bậc hai của 1% dân số toàn cầu, không vượt quá 8.000 người, không phải là 80 triệu, mà là 8.000 người. Cũng chính là nói nếu trên thế giới có 8.000 người tập trung ý niệm, đều chuyển tâm thái này sang trạng thái tốt nhất, thiện nhất, thì tai nạn trên thế giới có thể hóa giải. Chúng ta tin tưởng được không? Hiện nay địa cầu có hơn sáu tỷ dân, 8.000 người có thể cứu, bạn tin tưởng hay không? Dù cho nhiều người làm việc xấu như vậy, 8.000 người tốt có thể cứu. Tôi tin tưởng. Tôi dựa vào đâu mà tin tưởng? Tổ tiên xưa chúng ta có một câu nói, “tà không thắng chánh”. Đa số người là tà tri tà kiến, 8.000 người này là chánh tri chánh kiến, tôi tin câu này, tà không thắng chánh. Nhưng phải phát chân tâm, không có chính mình, xen một chút tâm riêng tư của mình vào trong ấy thì không được, đó chính là vọng tâm. Chúng ta phải dùng chân tâm, làm sao biến vọng tâm thành chân tâm? Bốn câu nói này rất hay, “biển nguyện Nhất thừa, sáu chữ hồng danh, trùm khắp ba căn, gồm thâu vạn loại”, 16 chữ này quá hay. Quan trọng nhất là học A-di-đà Phật, ở trên nhân địa là biển nguyện Nhất thừa, nhất thừa là thành Phật, cứu cánh viên mãn. Thế giới Cực Lạc của ngài chính là do 16 chữ này tu thành, Thiện Tư Duy. Đã dùng thời gian năm kiếp, cuối cùng thế giới Cực Lạc xuất hiện. “Kết thành nhân thù thắng của đại nguyện”, nhân thù thắng không gì bằng. Cho nên thế giới Cực Lạc là quả báo thù thắng không gì bằng.

Bồ-tát “Huệ Biện Tài”, *“biểu thị tin rõ trí tuệ Phật, biện tài vô ngại, tức là ý nghĩa của các câu ‘từ bi diễn nói, truyền trao pháp nhĩn, thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian’ ở trong kinh”*. Mấy câu kinh văn này về sau sẽ giảng đến. Cho nên trong xã hội ngày nay, chúng ta ở mọi lúc mọi nơi không bị lây nhiễm, vẫn có thể giữ lấy tâm thanh tịnh của mình, trí tuệ sáng tỏ, đây là dựa vào đâu? Dựa vào kinh giáo. Tôi tin rằng các đồng học có đồng cảm với tôi, trong một ngày của chúng ta, điều vui nhất là gì? Chính là lúc cùng nhau học tập

kinh giáo như thế này, vui sướng không gì sánh bằng. Thầy Phương nói với tôi, học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người, chúng ta mới biết được Thích-ca Mâu-ni Phật từ sáng đến tối đều đang dạy học, vui sướng không gì sánh bằng. Điều này là thật, không phải giả. Ngài dạy học xưa nay chưa từng gián đoạn, một người ngài cũng dạy, hai người ngài cũng dạy, không câu nệ số lượng người nhiều hay ít, không có thời gian nhất định, không có địa điểm nhất định, hễ gặp người là ngài dạy, không bỏ qua một ai. Đây là tấm gương của bậc thầy mô phạm, giáo viên điển hình, vị thầy tốt! Toàn tâm toàn ý dạy bạn, không có một mảy may tự tư tự lợi, không hề có. Giúp bạn khai ngộ, giúp bạn minh tâm kiến tánh, giúp bạn trở về tánh đức. Bạn thấy vui biết bao! Phật thường nói trong giáo pháp Đại thừa, “Bồ-tát ở nơi nào đều khiến hết thảy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ”, pháp hỷ sung mãn, điều này là thật, một chút cũng không giả.

Tiếp theo, “*Quán Vô Trụ, thấy trong bản Đường dịch. Trong bản Ngụy dịch là Không Vô*”. Bản dịch của Khang Tăng Khải và trong kinh Đại Bảo Tích đều dịch là Không Vô, là cùng một ý nghĩa với Quán Vô Trụ. “*Biểu thị trong kinh là: như nhà ảo thuật biến ra các tướng khác nhau, nhưng trong tướng ấy thật không thể được.*” Đây là kinh văn ở phía sau, chúng ta đều để đến đoạn sau rồi giảng. Những câu kinh này ý vị vô cùng. “*Cũng biểu thị nhân hạnh trong bao kiếp lâu xa của ngài Pháp Tạng, nói các pháp không, vô tướng, vô nguyện.*” Trong danh hiệu này cũng đại biểu A Di Đà Phật ở nhân địa, tu hành trong năm kiếp, đây là nhân hạnh, nói các pháp không, vô tướng, vô nguyện, đây cũng là ba pháp ấn của Phật pháp Đại thừa, chúng ta lưu lại để phần sau học tập.

“*Thần Thông Hoa, biểu thị từ nơi sức thần thông, gom hoa đức của vạn hạnh, để tự trang nghiêm, đầy đủ phương tiện, thành tựu chúng sanh. Như kinh nói: Đạo khắp mười phương, hành quyền phương tiện.*” Ngài đại biểu cho ý nghĩa này. Tự mình thành tựu và giúp đỡ chúng sanh, không thể không có sức thần thông. Phạm vi của sức thần thông là rộng lớn vô hạn. Từ chữ thần (神) này, bạn

xem, chúng ta thường nói văn tự của Trung Quốc là phù hiệu của trí tuệ. Chúng ta xem từ bên trái của chữ này, bên trái là chữ thị (示), bạn xem chữ này, viết theo chữ triện thì rất rõ ràng. Nét gạch ở trên ngắn, nét gạch ở dưới dài, trong chữ triện thời xưa thì đó là thượng. Hạ thì nét trên dài, nét dưới ngắn, đây là hạ. Đây là chữ thượng, dưới chữ thượng có ba nét rủ xuống, ý nghĩa này biểu thị cho hiện tượng trời cao ban xuống, nói theo lời ngày nay chính là hiện tượng tự nhiên. “Thị” biểu thị cho hiện tượng tự nhiên, bạn nhìn thấy hiện tượng tự nhiên. Bên phải là chữ thân (申). Chữ thân viết theo lối chữ triện, bạn sẽ thấy giống như ba cửa ải, ba cửa ải này bạn đều vượt qua rồi, đó là ý nghĩa của thông. Hợp ý nghĩa lại, tức là bạn có thể thông đạt hiện tượng tự nhiên thì gọi là thân. Cho nên hiện tượng của đại tự nhiên trong vũ trụ, bạn đều biết, đều hiểu rõ, đây gọi là thân, là ý như vậy. “Thân” và “thông” đều mang ý nghĩa là thông đạt, cho nên thường được hợp lại để dùng, gọi là thân thông. Bạn có thể thông đạt hết thủy pháp, bạn có năng lực này. Đây là gì? Đây là trí tuệ, chỉ có trí tuệ mới có thể thông đạt, tri thức thì không được. Tác dụng của tri thức không lớn, nó có giới hạn, lại còn có di chứng về sau; trí tuệ thì không có, trí tuệ xử lý vấn đề không có giới hạn, hơn nữa không có di chứng về sau. Hiện nay thế giới này dùng tri thức, không dùng trí tuệ. Phạm là người dùng trí tuệ thì tâm thanh tịnh, tâm định. Cho nên trong Phật pháp dùng rỗng và voi làm đại biểu, “Na-già thường trong định, không lúc nào không định”, dùng rỗng và voi. Rỗng thì chúng ta chưa thấy qua, voi thì thấy qua rồi, bạn xem dáng vẻ con voi giống như đang nhập định. Đứng thì bốn bề vững chãi, đi thì chậm rãi, từng bước từng bước một, nó đều ở trong định. Đi đứng ngồi nằm, bạn nhìn thấy nó, tâm nó đều định, Bồ-tát cần lấy cái này làm điển hình, phải thường xuyên học theo. Từng giây từng phút tâm thanh tịnh, tâm là định. Định sanh tuệ, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, phản ứng ra là trí tuệ, không phải tri thức.

Cho nên con người không thể tâm khí xốc nổi, tâm khí xốc nổi thì thầy không nhận bạn, thầy tốt truyền đạo thực sự thì họ không nhận bạn, vì sao vậy? Bạn học không được. Thầy thấy được sự trầm tĩnh của bạn, thấy được sự điềm tĩnh và ổn định của bạn, vậy người này là nhân tài, là pháp khí, thầy thật sự sẽ giúp đỡ bạn. Bạn không muốn học, thầy cũng tìm cách khiến bạn học. Vì sao vậy? Thầy là vì truyền đạo, không phải vì một cá nhân nào. Điều quan trọng là chánh pháp đại đạo phải có người kế thừa, điều này quan trọng. Gặp được người như vậy thì thầy nhất định sẽ không bỏ lỡ, nhất định thành tựu họ, việc này không liên quan đến bản thân, mà là để truyền đạo. Đây gọi là đại từ đại bi, gánh vác trách nhiệm đối với chánh pháp, có lòng trách nhiệm đối với hết thảy chúng sanh. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta học tập đến đây. Ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu học từ chỗ “Quang Anh”.